

Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội

Báo cáo của Hội đồng quản trị

và

Các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 33



Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi</u>	<u>Ngày</u>
Lần 1 số 0103014424	19 tháng 8 năm 2008
Lần 2 số 0103014424	12 tháng 1 năm 2009
Lần 3 số 0103014424	29 tháng 5 năm 2009

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, cồn, bao bì.

Công ty có trụ sở đặt tại số 94 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và một chi nhánh tại khu công nghiệp Đồng An tỉnh Bình Dương.

Theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTG ngày 22 tháng 4 năm 2003 do Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành, khu vực sản xuất hiện tại của Công ty tại 94 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội sẽ được di dời đến địa điểm mới tại Khu Công nghiệp Yên Phong - huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Một số hạng mục, dây chuyền sản xuất của nhà máy mới đã được đưa vào hoạt động chính thức từ tháng 8 năm 2009, tuy nhiên kế hoạch và thời gian di dời khu vực sản xuất tại địa điểm cũ vẫn chưa được Công ty xác định cụ thể.

Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Rượu Hà Nội. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0104006633 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2009. Hoạt động chính của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Rượu Hà Nội là kinh doanh các loại đồ uống có cồn và không có cồn như rượu, bia, nước giải khát và các thiết bị vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất rượu, cồn và các mặt hàng tiêu dùng, công nghệ, thực phẩm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu của công ty con này.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế	219.867.705.544	162.370.810.554
Cổ tức trả bằng cổ phiếu trong năm	37.877.000.000	22.123.000.000
Lợi nhuận để lại vào cuối năm	219.747.705.544	151.477.810.554

CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Trong năm Công ty đã góp 100% vốn chủ sở hữu, thành lập Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thương Mại Rượu Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104006633 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Nguyễn	Chủ tịch
Ông Hồ Văn Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Việt	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ủy viên

Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc đã cam kết với các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Thay mặt Hội đồng quản trị:

Hoàng Nguyễn
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 02 năm 2010

Số tham chiếu: 60755018/13992538

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội và công ty con ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất") được trình bày từ trang 4 đến trang 33. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.


Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0637/KTV



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0754/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2010

13
N
I
V
À
RU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		576.387.185.800	426.727.553.190
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	193.258.178.903	42.646.319.323
111	1. Tiền		63.258.178.903	42.646.319.323
112	2. Các khoản tương đương tiền		130.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		35.000.000.000	37.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	35.000.000.000	37.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		45.587.031.136	47.554.517.610
131	1. Phải thu khách hàng		3.926.262.939	2.411.533.800
132	2. Trả trước cho người bán		27.285.521.147	40.834.003.882
135	3. Các khoản phải thu khác	6	14.375.247.050	4.308.979.928
140	IV. Hàng tồn kho	7	240.617.384.636	248.230.461.769
141	1. Hàng tồn kho		240.617.384.636	248.230.461.769
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		61.924.591.125	51.296.254.488
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.376.931.370	2.965.909.091
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.931.372.355	3.799.612.173
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	8	54.616.287.400	44.530.733.224
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		522.781.497.024	245.922.456.728
220	I. Tài sản cố định		500.839.455.483	223.046.908.808
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	211.625.661.748	25.093.921.330
222	Nguyên giá		286.321.784.781	86.632.683.749
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(74.696.123.033)	(61.538.762.419)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	32.179.256.191	32.625.194.477
228	Nguyên giá		33.513.732.573	33.513.732.573
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.334.476.382)	(888.538.096)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	257.034.537.544	165.327.793.001
240	II. Bất động sản đầu tư	12	21.767.972.253	22.251.704.970
241	1. Nguyên giá		23.259.481.464	23.259.481.464
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.491.509.211)	(1.007.776.494)
260	III. Tài sản dài hạn khác		174.069.288	623.842.950
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	623.842.950
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	174.069.288	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.099.168.682.824	672.650.009.918

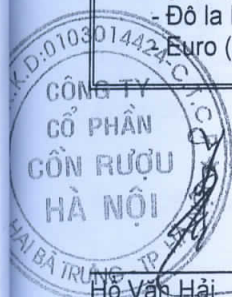
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		564.106.029.034	345.744.115.801
310	I. Nợ ngắn hạn		454.450.646.053	345.167.127.738
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	89.250.000.000	85.980.394.363
312	2. Phải trả người bán		84.977.058.913	86.315.846.212
313	3. Người mua trả tiền trước		55.559.795	187.920.495
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	15.770.737.748	10.122.273.917
315	5. Phải trả người lao động		50.850.026.311	30.906.965.796
316	6. Chi phí phải trả	16	1.362.456.785	-
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	212.184.806.501	131.653.726.955
330	II. Nợ dài hạn		109.655.382.981	576.988.063
334	1. Vay và nợ dài hạn	18	109.078.394.918	-
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		576.988.063	576.988.063
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		535.062.653.790	326.905.894.117
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	526.387.361.275	323.748.576.330
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.3	108.500.000.000	70.623.000.000
414	2. Cổ phiếu ngân quỹ		(3.230.000)	(2.250.000)
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.1	(6.815.859.543)	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		176.922.940.244	89.851.291.801
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		28.035.805.030	11.798.723.975
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	219.747.705.544	151.477.810.554
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		8.675.292.515	3.157.317.787
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.475.292.515	2.457.317.787
432	2. Nguồn kinh phí	20	1.200.000.000	700.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.099.168.682.824	672.650.009.918

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý	892.971.877	892.971.877
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	176.996,74	129.914,51
- Euro (EUR)	6.109,86	962,02



Hồ Văn Hải
Giám đốc

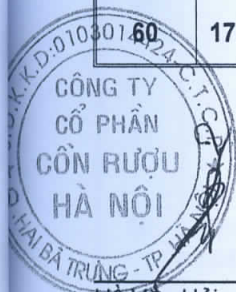
Nam
Nguyễn Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 2 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.058.083.006.676	676.816.226.472
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	232.361.841.128	156.511.639.615
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	825.721.165.548	520.304.586.857
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		427.364.743.560	286.796.421.313
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		398.356.421.988	233.508.165.544
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	11.501.669.982	23.152.120.683
22	7. Chi phí tài chính	22	6.631.473.751	7.742.683.892
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.565.840.562	3.900.328.944
24	8. Chi phí bán hàng		106.231.966.573	45.570.074.500
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		55.748.249.151	41.026.562.281
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		241.246.402.495	162.320.965.554
31	11. Thu nhập khác		55.401.000	60.845.000
32	12. Chi phí khác		-	11.000.000
40	13. Lợi nhuận khác		55.401.000	49.845.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		241.301.803.495	162.370.810.554
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	21.608.167.239	-
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.3	174.069.288	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		219.867.705.544	162.370.810.554



Hồ Văn Hải
Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 2 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		241.301.803.495	162.370.810.554
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao/khấu trừ tài sản cố định	9,10,11	28.799.371.815	15.657.249.354
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(11.190.383.729)	(22.929.777.971)
06	Chi phí lãi vay		5.565.840.562	3.900.328.944
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		264.476.632.143	158.998.610.881
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		10.428.243.233	(89.941.968.595)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		7.613.077.133	(178.653.835.538)
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		108.612.894.208	87.037.679.828
12	Giảm chi phí trả trước		2.212.820.671	2.352.570.388
13	Tiền lãi vay đã trả		(5.565.840.562)	(11.095.201.382)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.982.400.617)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		500.000.000	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.395.086.328)	(1.233.794.019)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		369.900.339.881	(32.535.938.437)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản cố định khác	9,10,11	(335.899.721.220)	(183.456.029.040)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		2.000.000.000	63.000.000.000
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	50.000.000
28	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.228.439.373	20.962.972.416
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(331.671.281.847)	(99.443.056.624)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		548.375.390.082	149.648.335.796
35	Tiền chi trả nợ gốc vay		(436.027.389.527)	(103.667.941.433)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		112.348.000.555	45.980.394.363
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		150.577.058.589	(85.998.600.698)
60	Tiền đầu năm	4	42.646.319.323	128.644.920.021
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		34.800.991	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	193.258.178.903	42.646.319.323



Hồ Văn Hải
Giám đốc

Ngọc
Nguyễn Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 2 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi</u>	<u>Ngày</u>
Lần 1 số 0103014424	19 tháng 8 năm 2008
Lần 2 số 0103014424	12 tháng 1 năm 2009
Lần 3 số 0103014424	29 tháng 5 năm 2009

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, cồn, bao bì.

Công ty có trụ sở đặt tại số 94 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và có một chi nhánh đặt tại Khu Công Nghiệp Đồng An, tỉnh Bình Dương.

Theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTG ngày 22 tháng 4 năm 2003 do Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành, khu vực sản xuất hiện tại của Công ty tại 94 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội sẽ được di dời đến địa điểm mới tại Khu Công nghiệp Yên Phong - huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Một số hạng mục, dây chuyền sản xuất của nhà máy mới đã được đưa vào hoạt động chính thức từ tháng 8 năm 2009, tuy nhiên kế hoạch và thời gian di dời khu vực sản xuất tại địa điểm cũ vẫn chưa được Công ty xác định cụ thể.

Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Rượu Hà Nội. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0104006633 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2009. Hoạt động chính của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Rượu Hà Nội là kinh doanh các loại đồ uống có cồn và không có cồn như rượu, bia, nước giải khát và các thiết bị vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất rượu, cồn và các mặt hàng tiêu dùng, công nghệ, thực phẩm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty nắm giữ 100% vốn cổ phần tại công ty con này.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 918 người (năm 2008 là: 757 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chứng từ.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đồng tiền kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội (công ty mẹ) và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày được thành lập và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính năm 2008 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Thông tư 201 khác biệt so với các chính sách kế toán hiện hành đã được áp dụng trong các năm trước theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("VAS 10") đã được Công ty áp dụng trong các năm tài chính trước liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Nghịệp vụ	Xử lý kế toán theo VAS 10	Xử lý kế toán theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	-Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
		-Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng 5 năm tiếp theo.

Thông tư 201 được áp dụng phi hồi tố từ năm 2009 do không có quy định cụ thể về việc áp dụng hồi tố trong thông tư này. Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán này đến các báo cáo tài chính hợp nhất của năm hiện hành được trình bày ở Thuyết minh số 26.

H 47

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

10/01/2010
 ÔN
 3
 N
 À
 RƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Công ty đã ghi nhận vào tài sản cố định vô hình một phần giá trị quyền sử dụng đất trong diện tích đất thuê tại khu công nghiệp Yên Phong – huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
Quyền sử dụng đất (đất thuê)	577 tháng

Trừ nhà cửa, vật kiến trúc, quyền sử dụng đất và các tài sản mới của nhà máy mới tại khu Công nghiệp Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, trong năm tài chính này Công ty đang thực hiện khấu hao nhanh, mức khấu hao gấp hai lần đối với mức khấu hao theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ – BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất lâu dài tại quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	577 tháng
-------------------	-----------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn một năm với mức trích bằng 3% tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội cả năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư 201 về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ từ năm 2009.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính trừ trường hợp các khoản chênh lệch này được vốn hóa như được trình bày trong đoạn dưới đây.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản tài sản, công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ vào ngày lập bảng cân đối kế toán được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng bên quy định trong Giấy phép Đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.125.006.529	2.089.475.178
Tiền gửi ngân hàng	62.133.172.374	40.556.844.145
Các khoản tương đương tiền	130.000.000.000	-
	<u>193.258.178.903</u>	<u>42.646.319.323</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư ngắn hạn	35.000.000.000	37.000.000.000
	<u>35.000.000.000</u>	<u>37.000.000.000</u>

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu lãi tiền gửi	8.961.944.356	-
Phải thu chi phí thuê kho cho mục đích di dời	5.075.863.073	1.443.090.790
Phải thu người lao động	50.498.220	890.416.883
Phải thu khác	286.941.401	1.975.472.255
	<u>14.375.247.050</u>	<u>4.308.979.928</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	46.165.271.773	28.046.354.174
Công cụ, dụng cụ	5.292.117.425	170.250.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.939.337.473	66.523.210.221
Thành phẩm	144.220.657.965	153.660.727.124
	<u>240.617.384.636</u>	<u>248.230.461.769</u>

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng	520.682.024	1.035.146.421
Chi phí trả trước	2.386.060.860	-
Các khoản ký quỹ	50.509.544.516	43.495.586.803
Chi sự nghiệp	1.200.000.000	-
	<u>54.616.287.400</u>	<u>44.530.733.224</u>

Các khoản ký quỹ bao gồm các khoản tiền đặt cọc mở thư tín dụng (L/C) tại các ngân hàng liên quan đến các hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị cho nhà máy mới tại khu công nghiệp Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VNĐ Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	24.874.406.969	49.017.855.947	8.811.649.286	3.928.771.547	86.632.683.749
- Mua mới	5.086.525.532	11.018.822.143	3.389.603.398	274.163.710	19.769.114.783
- Đầu tư XDCB hoàn thành	57.190.627.824 (14.986.602.569)	129.607.453.986	4.111.634.280	3.996.872.728	194.906.588.818 (14.986.602.569)
Giảm trong năm		-	-	-	
Số dư cuối năm	72.164.957.756	189.644.132.076	16.312.886.964	8.199.807.985	286.321.784.781
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	1.824.707.368	1.440.460.408	1.635.387.585	4.900.555.361
Giá trị hao mòn:					
Số dư đầu năm	24.600.144.599	28.213.621.835	5.344.104.108	3.380.891.877	61.538.762.419
- Tăng trong năm	4.819.195.195	20.378.654.068	1.817.250.557	854.600.992	27.869.700.812
- Giảm trong năm	(14.712.340.199)	-	-	-	(14.712.340.199)
Số dư cuối năm	14.706.999.596	48.592.275.903	7.161.354.665	4.235.492.869	74.696.123.033
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	274.262.370	20.804.234.112	3.467.545.178	547.879.670	25.093.921.330
Số dư cuối năm	57.457.958.160	141.051.856.173	9.151.532.299	3.964.315.116	211.625.661.748
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp	57.190.627.824	129.607.453.986	4.111.634.280	3.996.872.728	194.906.588.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Do việc di dời khu vực sản xuất tại 94 Lò Đúc sang địa điểm mới, một số tài sản cố định của Công ty sẽ không được tiếp tục sử dụng tại nhà máy mới và sẽ được thanh lý tại thời điểm di dời. Ngoại trừ nhà cửa, vật kiến trúc và các tài sản mới của nhà máy mới tại khu Công nghiệp Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, trong năm tài chính này Công ty tiếp tục thực hiện khấu hao nhanh với mức khấu hao gấp hai lần đối với mức khấu hao được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ – BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Do vậy, nhiều tài sản của Công ty sẽ được khấu hao hết toàn bộ giá trị tại thời điểm di dời.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	33.483.732.573	30.000.000	33.513.732.573
- Tăng trong năm	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>33.483.732.573</u>	<u>30.000.000</u>	<u>33.513.732.573</u>
Giá trị hao mòn:			
Số dư đầu năm	887.371.429	1.166.667	888.538.096
- Tăng trong năm	425.938.286	20.000.000	445.938.286
- Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>1.313.309.715</u>	<u>21.166.667</u>	<u>1.334.476.382</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	<u>32.596.361.144</u>	<u>28.833.333</u>	<u>32.625.194.477</u>
Số dư cuối năm	<u>32.170.422.858</u>	<u>8.833.333</u>	<u>32.179.256.191</u>

Bao gồm trong giá trị quyền sử dụng đất là khoản tiền thuê đất cho diện tích 7,0235 ha trong tổng số 15 ha đất thuê cho mục đích xây dựng nhà máy mới tại khu công nghiệp Yên Phong - huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Số tiền thuê đất cho diện tích 7,9765 ha còn lại đang được ghi nhận là bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số 12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dây chuyền sản xuất cồn khô	1.377.605.529	1.363.983.257
Hệ thống kệ công nghiệp chứa sản phẩm kho Bình Dương	2.786.535.238	-
Xây dựng nhà văn phòng, nhà kho và các sản phẩm phụ trợ - Dự án Đà Nẵng	5.437.350.620	-
Nhà máy mới tại Khu công nghiệp Yên Phong - huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	<u>247.433.046.157</u>	<u>163.963.809.744</u>
TỔNG CỘNG	<u>257.034.537.544</u>	<u>165.327.793.001</u>

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	
Nguyên giá		
Số dư đầu năm		23.259.481.464
- Tăng trong năm		-
- Giảm trong năm		-
Số dư cuối năm		<u>23.259.481.464</u>
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm		1.007.776.494
- Tăng trong năm		483.732.717
- Giảm trong năm		-
Số dư cuối năm		<u>1.491.509.211</u>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm		<u>22.251.704.970</u>
Số dư cuối năm		<u>21.767.972.253</u>

13. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với số tiền là 4.807.274.575 đồng Việt Nam phát sinh từ các khoản vay cho việc đầu tư tài sản cố định cho nhà máy mới tại khu công nghiệp Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	-	85.980.394.363
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 18)	89.250.000.000	-
	89.250.000.000	85.980.394.363

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT	112.833.955	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.863.729.670	5.480.692.918
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 25.2)	8.625.766.622	-
Thuế thu nhập cá nhân	167.888.549	4.641.319.074
Các loại thuế khác	518.952	261.925
	15.770.737.748	10.122.273.917

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VNĐ	VNĐ
Lãi vay phải trả	1.362.456.785	-
	1.362.456.785	-

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Kinh doanh nhà Hà Nội (Nhận trước tiền đền bù hỗ trợ di dời nhà xưởng) (*)	210.000.000.000	130.000.000.000
Kinh phí công đoàn	1.526.028.211	1.131.665.747
Phải trả cho công nhân viên (thuế thu nhập cá nhân giữ lại)	494.711.774	272.328.192
Các khoản phải trả, phải nộp khác	164.066.516	249.733.016
	212.184.806.501	131.653.726.955

(*) Theo hợp đồng kinh tế ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần Kinh doanh và Xây dựng Nhà số 48/HĐKT-HALICO-REC ngày 28 tháng 7 năm 2007, Công ty sẽ nhận được khoản tiền đền bù là 267.000.000.000 đồng Việt Nam cho việc đền bù tài sản và hỗ trợ việc di dời doanh nghiệp từ trụ sở hiện nay sang khu công nghiệp Yên Phong – huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã được ứng trước số tiền là 210.000.000.000 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	198.328.394.918	-
	198.328.394.918	-
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	89.250.000.000	-
Vay dài hạn	109.078.394.918	-

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngân hàng như sau:

Ngân hàng	31 tháng 12 năm 2009	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Habubank			10%/năm Điều chỉnh 3 tháng 1 lần kể từ ngày giải ngân của từng khoản vay	Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại lô đất số 3 KCN Đồng An, xã Bình Hòa, Huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
<i>Trong đó vay dài hạn đến hạn trả</i>	11.323.140.915	Trả lãi vào ngày 23 hàng tháng		
	7.500.000.000			
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam - Chi nhánh Hà Nội			9.5%/năm áp dụng trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu Điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau + 2.4%/năm	"Dự án di dời khu vực sản xuất" tại KCN Yên Phong, Bắc Ninh
<i>Trong đó vay dài hạn đến hạn trả</i>	182.240.509.305	3 tháng/lần		
	78.750.000.000			
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam- BIDV- Sở giao dịch 1				Quyền sử dụng đất thửa đất số B1 tại khu định cư Thanh Lộc Đán- Hòa Minh mở rộng, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng và công trình thuộc dự án
<i>Trong đó vay dài hạn đến hạn trả</i>	4.764.744.698	3 tháng/lần	3%/năm + lãi suất tham chiếu	
	3.000.000.000			
TỔNG CỘNG	198.328.394.918			

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VNĐ
							Tổng cộng
Năm trước:							
Số dư đầu năm	48.500.000.000	-	-	-	-	117.668.739.750	166.168.739.750
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	162.370.810.554	162.370.810.554
Cổ phiếu thường trong năm	22.123.000.000	-	-	-	-	-	22.123.000.000
Trích quỹ	-	89.851.291.801	11.798.723.975	-	-	(128.441.739.750)	(26.791.723.974)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(2.250.000)	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Số dư cuối năm	70.623.000.000	89.851.291.801	11.798.723.975	(2.250.000)	-	151.477.810.554	323.748.576.330
Năm nay:							
Số dư đầu năm	70.623.000.000	89.851.291.801	11.798.723.975	(2.250.000)	-	151.477.810.554	323.748.576.330
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	219.867.705.544	219.867.705.544
Tăng vốn trong năm (*)	37.877.000.000	-	-	-	-	(37.877.000.000)	-
Trích lập các quỹ	-	87.071.648.443	16.237.081.055	-	-	(113.600.810.554)	(10.292.081.056)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(980.000)	(6.815.859.543)	(120.000.000)	(120.000.000)
Số dư cuối năm	108.500.000.000	176.922.940.244	28.035.805.030	(3.230.000)	(6.815.859.543)	219.747.705.544	526.387.361.275

(*) Theo Nghị quyết số 405/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Đại hội đồng Cổ đông, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu của Công ty (thuyết minh số 20.3).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tổng Công ty Bia và Nước giải khát Hà Nội	5.890.269	54,3%	3.926.846	55,6%
Vietnam Opportunity Fund Investment Ltd.	2.025.732	18,7%	1.350.488	19,1%
Các cổ đông khác	2.933.999	27,0%	1.784.966	25,3%
	10.850.000	100%	7.062.300	100%

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vốn góp		
Số đầu năm	70.623.000.000	48.500.000.000
Tăng trong năm	37.877.000.000	22.123.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	108.500.000.000	70.623.000.000
2. Cổ tức đã chia		
Cổ tức chia cho cổ đông	35.310.370.000	19.503.000.000
Cổ tức đã chia	35.310.370.000	19.503.000.000
3. Thường khác		
Cổ phiếu thưởng	2.566.630.000	2.620.000.000
Thường khác	2.566.630.000	2.620.000.000

Theo Nghị quyết số 405/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Đại hội đồng Cổ đông, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 3.531.037 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và 256.663 cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên, các thành viên của Hội Đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.4 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.850.000	7.062.300
Số lượng cổ phiếu:	10.850.000	7.062.300
+ Cổ phiếu thường	10.850.000	7.062.300
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	323	225
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.849.677	7.062.075
+ Cổ phiếu thường	10.849.677	7.062.075
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

20. NGUỒN KINH PHÍ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	700.000.000	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	500.000.000	700.000.000
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<u>1.200.000.000</u>	<u>700.000.000</u>

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	1.058.083.006.676	676.816.226.472
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán hàng	1.057.648.795.270	676.450.283.056
Doanh thu cung cấp dịch vụ	434.211.406	365.943.416
Các khoản giảm trừ doanh thu	232.361.841.128	156.511.639.615
<i>Trong đó</i>		
Hàng bán bị trả lại	13.717.500	285.310.710
Thuế tiêu thụ đặc biệt	232.348.123.628	156.226.328.905
Doanh thu thuần	<u>825.721.165.548</u>	<u>520.304.586.857</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	11.190.383.729	22.929.777.971
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	311.286.253	222.342.712
TỔNG CỘNG	11.501.669.982	23.152.120.683

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	5.565.840.562	3.900.328.944
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.065.633.189	3.842.354.948
TỔNG CỘNG	6.631.473.751	7.742.683.892

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	344.654.408.287	321.152.923.959
Chi phí nhân công	134.614.530.089	96.974.480.913
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	28.799.371.815	15.657.249.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.073.075.436	20.645.333.767
Chi phí khác	36.751.406.854	33.224.380.997
TỔNG CỘNG	564.892.792.481	487.654.368.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 25% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội

Theo thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007, Công ty được miễn thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại 94 Lò Đức trong 2 năm tính từ năm đầu tiên hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 12,5%.

Theo thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008, Công ty được miễn thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy mới tại khu công nghiệp Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh trong 1 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Rượu Hà Nội

Theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009, Công ty được gia hạn nộp thuế TNDN trong 9 tháng tính từ quý đầu tiên kinh doanh và được giảm 30% thuế TNDN trong năm 2009.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.608.167.239	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(174.069.288)	-
	<u>21.434.097.951</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	241.301.803.495	162.370.810.554
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán	1.996.855.667	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>1.996.855.667</i>	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.392.554.306	
Chi phí không hợp lý, hợp lệ cho khấu trừ thuế	604.301.361	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	243.298.659.162	162.370.810.554
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	243.298.659.162	162.370.810.554
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành trước giảm trừ	25.009.861.751	-
Giảm trừ thuế TNDN	3.401.694.512	-
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành sau giảm trừ	21.608.167.239	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	12.982.400.617	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	8.625.766.622	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi chưa thực hiện bán hàng nội bộ	174.069.288	-	174.069.288	-
	174.069.288	-		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			174.069.288	-

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thù lao	1.542.423.257	1.938.527.671
Thưởng (*)	729.423.584	399.293.000
TỔNG CỘNG	2.271.846.841	2.337.820.671

(*) Theo Nghị quyết số 405/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Đại hội đồng Cổ đông, Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thưởng bằng tiền mặt cho Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc do kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. ẢNH HƯỞNG CỦA THÔNG TƯ 201 ĐẾN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Như đã trình bày ở Thuyết minh 3.1.1 và Thuyết minh 3.13, trong năm 2009 Công ty đã áp dụng hướng dẫn về nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo Thông tư 201, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong VAS 10.

Nếu Công ty tiếp tục áp dụng VAS 10 cho năm 2009, tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và công ty con sẽ như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>VAS 10</i>	<i>Circular 201</i>
		<i>Chênh lệch</i>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	- (6.815.859.543)	(6.815.859.543)
 Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất		
Lỗ chênh lệch tỷ giá thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	(6.815.859.543)	- (6.815.859.543)

27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty đã ký hợp đồng thuê khu đất với diện tích 15 ha ở khu công nghiệp Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Theo hợp đồng thuê đất số 22/2005/CTHT-HDKT ngày 8 tháng 10 năm 2005 với Công ty Đầu tư và Phát triển hạ tầng, Công ty có quyền thuê khu đất này trong 49 năm tính từ ngày 8 tháng 10 năm 2005 với phí thuê đất hàng năm là 60.000.000 đồng Việt Nam và chi phí quản lý hàng năm là 24.750 đô la Mỹ (sẽ được điều chỉnh hàng năm). Công ty hiện đang xây dựng nhà máy mới tại đây. Theo quyết định số 60/2001QĐ-UB ngày 26 tháng 1 năm 2001 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Công ty được miễn tiền thuê đất trong vòng 10 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và giảm 50% tiền thuê đất trong thời gian còn lại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, khoản tiền phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê đất này như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Tổng tiền thuê tối thiểu theo các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang cho thời hạn thuê sau:</i>		
Đến 1 năm	21.151.788.750	20.498.314.500
Từ 1 - 5 năm	444.039.750	420.180.750
Trên 5 năm	2.220.198.750	2.100.903.750
	18.487.550.250	17.977.230.000

Các cam kết chi phí vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có các cam kết liên quan đến các hợp đồng xây dựng và mua sắm máy móc, thiết bị cho nhà máy mới tại Khu công nghiệp Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh với tổng số tiền là 87.497.605.812 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.



Hồ Văn Hải
Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 2 năm 2010



PHÓ PHÒNG HÀNH CHÍNH
Nguyễn Ngọc Bá